

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hải Châu

2. Bà Lê Thị Luy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vàng Thị K, năm sinh 2001

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn O, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. – Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Sin Văn P, năm sinh 1998

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn O, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2023; bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2023; đơn đề nghị thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2018, không đăng ký kết hôn. Ngày 01/4/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi chị K mang thai và sinh đứa con chung thứ hai của anh chị vào năm 2021 thì chị K phải ở nhà; anh P thì đi làm thuê ở dưới

tỉnh Bắc Ninh; đến sinh nhật của con anh P về nhà để tổ chức sinh nhật cho con; trong thời gian anh P ở nhà thì có người phụ nữ khác thường xuyên nhắn tin tình cảm với anh P; khi có điện thoại gọi đến thì anh P ra ngoài nghe nên chị K biết được là anh P đã ngoại tình với người phụ nữ khác. Khi chị K biết được sự việc nói anh P thì anh P im lặng. Sau đó anh P tiếp tục đi làm và một thời gian sau chị cũng cùng anh P đi làm nhưng anh P vẫn tiếp tục quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó và xác nhận đã hết tình cảm với chị. Thực tế anh chị đã không quan hệ tình cảm với nhau nhiều tháng nay vì anh P thường xuyên đi làm xa, còn chị K thì ở nhà và khi cùng nhau đi làm thì anh chị mỗi người lại làm một nơi. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sin Văn P.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P có hai người con chung là cháu Sin Khắc N, sinh ngày 17/7/2019 và cháu Sin Thị Mỹ D, sinh ngày 07/5/2021. Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Sin Khắc N và cháu Sin Thị Mỹ D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Nay chị K đã đi làm, có thu nhập ổn định một tháng được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); ở địa phương mức nuôi cháu Phóng và cháu Duyên, mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên chị K đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn mà không cần anh P phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị Vàng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn anh Sin Văn P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có văn bản trả lời ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của chị K; mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vàng Thị K được ly hôn với anh Sin Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Sin Khắc N, Sin Thị Mỹ D cho chị Vàng Thị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vàng Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Sin Văn P có địa chỉ nơi cư trú: Thôn O, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P là hợp pháp. Anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2018, không đăng ký kết hôn. Ngày 01/4/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không tạo ra kinh tế để chăm lo cho vợ con; ngoài ra anh P còn thừa nhận là có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chỉ nhấn tin tìm hiểu qua lại và xác nhận đã hết tình cảm với chị K; vợ chồng chị K và anh P mỗi người sống ở một nơi và thực tế đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay; không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sin Văn P. Đối với anh P, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P không có ý kiến trả lời văn bản trước yêu cầu khởi kiện của chị K, cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, điều đó thể hiện

sự thờ ơ, bỏ mặc của anh P trước quan hệ hôn nhân của anh chị. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P có hai người con chung là cháu Sin Khậy N, sinh ngày 17/7/2019 và cháu Sin Thị Mỹ D, sinh ngày 07/5/2021. Hiện nay cả hai cháu đang được chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Sin Khậy N và cháu Sin Thị Mỹ D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, chị K đã đi làm, có thu nhập ổn định một tháng được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); ở địa phương mức nuôi cháu Phóng và cháu Duyên một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng/ 1 cháu; hai tháng trở lại đây, anh P không quan tâm chăm sóc gì đến các con; cha mẹ của anh P cũng đã già yếu, cha đẻ của anh P bị bệnh hiểm nghèo anh P cũng không quan tâm, anh P đi làm nhưng không gửi tiền về nữa vì phải kiếm tiền trả nợ cho khoản nợ chi tiêu cá nhân. Vì vậy để đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt của cháu Sin Khậy N và cháu Sin Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Sin Khậy N và cháu Sin Thị Mỹ D cho chị Vàng Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Vàng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P. Quan hệ hôn nhân của chị Vàng Thị K và anh Sin Văn P được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Sin Khảy N, sinh ngày 17/7/2019 và cháu Sin Thị Mỹ D, sinh ngày 07/5/2021 cho chị Vàng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Sin Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị K phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006991 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Vàng Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã B,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

